





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN  
DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ I NĂM 2017**

**Thời gian từ ngày 01/01/2017 đến 31/03/2017**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mẫu số B01-DN

Đơn vị tính: VNĐ

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>183.678.455.390</b>	<b>259.490.910.483</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền (110=111+112)</b>	<b>110</b>		<b>5.822.467.508</b>	<b>840.048.166</b>
1. Tiền	111		5.822.467.508	840.048.166
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn (120=121+122+123)</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn (130=131+132+...+137+139)</b>	<b>130</b>		<b>153.197.453.707</b>	<b>239.396.326.167</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		54.202.254.115	24.342.326.167
2. Trả trước người bán ngắn hạn	132		80.369.233.410	42.054.000.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		18.625.966.182	173.000.000.000
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho (140=141+149)</b>	<b>140</b>		<b>24.108.329.548</b>	<b>19.242.727.273</b>
1. Hàng tồn kho	141		24.108.329.548	19.242.727.273
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác (150=151+152+...+155)</b>	<b>150</b>		<b>550.204.627</b>	<b>11.808.877</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		550.204.627	11.808.877
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>128.931.949.498</b>	<b>1.076.023.425</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn (210=211+212+...+216+219)</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định (220=221+224+227)</b>	<b>220</b>		<b>3.658.205.525</b>	<b>1.007.308.949</b>
1. TSCĐ hữu hình (221=222+223)	221		3.658.205.525	1.007.308.949
- Nguyên giá	222		4.265.830.698	1.360.403.637
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(607.625.173)	(353.094.688)



Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
2. TSCĐ thuê tài chính (224=225+226)	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. TSCĐ vô hình (227=228+229)	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư (230=231+232)</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn (240=214+242)</b>	<b>240</b>		<b>1.140.787.455</b>	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.140.787.455	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn (250=251+...+255)</b>	<b>250</b>		<b>90.000.000.000</b>	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		90.000.000.000	-
3. Đầu tư dài hạn khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác (260=261+262+263+268)</b>	<b>260</b>		<b>34.132.956.518</b>	<b>68.714.476</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		39.362.563	68.714.476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thuế Thương mại	269		34.093.593.955	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>312.610.404.888</b>	<b>260.566.933.908</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>61.419.680.756</b>	<b>23.674.785.642</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn (310=311+312+...+323+324)</b>	<b>310</b>		<b>61.419.680.756</b>	<b>23.674.785.642</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		58.447.455.868	23.651.605.250
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		668.863.252	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		207.493.259	4.484.392
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		45.868.377	18.696.000
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		2.050.000.000	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn (330=331+332+...+342+343)</b>	<b>330</b>		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả dài hạn nội bộ	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>251.190.724.132</b>	<b>236.892.148.266</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu (410=411+412+...+421+422)</b>	<b>410</b>		<b>251.190.724.132</b>	<b>236.892.148.266</b>
1. Vốn góp chủ sở hữu	411		235.399.580.000	235.399.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		235.399.580.000	235.399.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411B		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(149.090.909)	(149.090.909)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		940.235.041	1.641.659.175
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		1.641.659.175	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421B		(701.424.134)	1.641.659.175
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		15.000.000.000	
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác (430=431+432)</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tsctđ	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>312.610.404.888</b>	<b>260.566.933.908</b>

Người lập biểu



Lê Thị Minh Thu

Kế toán trưởng



Hoàng Quế Lan

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc




Hà Xuân Trường



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2017

Mẫu số B02-DN

Đơn vị tính: VNĐ

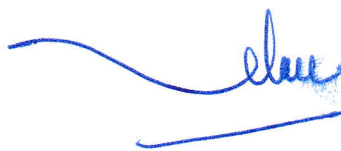
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		19.506.021.046	45.123.109.180	19.506.021.046	45.123.109.180
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0		0	
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>19.506.021.046</b>	<b>45.123.109.180</b>	<b>19.506.021.046</b>	<b>45.123.109.180</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		18.254.107.283	41.255.858.596	18.254.107.283	41.255.858.596
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>1.251.913.763</b>	<b>3.867.250.584</b>	<b>1.251.913.763</b>	<b>3.867.250.584</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		68.341	5.087.838	68.341	5.087.838
7. Chi phí tài chính	22		31.850.000	55.389.155	31.850.000	55.389.155
- trong đó: chi phí lãi vay	23		31.850.000	55.389.155	31.850.000	55.389.155
8. Lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		0		0	
9. Chi phí bán hàng	25		0	205.182.000	0	205.182.000
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		1.325.676.984	829.807.066	1.325.676.984	829.807.066
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>(105.544.880)</b>	<b>2.781.960.201</b>	<b>(105.544.880)</b>	<b>2.781.960.201</b>
12. Thu nhập khác	31		681.818.182	54.196	681.818.182	54.196
13. Chi phí khác	32		977.531.255	1.041.000	977.531.255	1.041.000
<b>14. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(295.713.073)</b>	<b>(986.804)</b>	<b>(295.713.073)</b>	<b>(986.804)</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(401.257.953)</b>	<b>2.780.973.397</b>	<b>(401.257.953)</b>	<b>2.780.973.397</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		136.439.173	362.191.820	136.439.173	362.191.820
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0		0	
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(537.697.126)</b>	<b>2.418.781.576</b>	<b>(537.697.126)</b>	<b>2.418.781.576</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		(701.424.134)	1.563.999.966	(701.424.134)	1.563.999.966
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		163.727.008	854.781.610	163.727.008	854.781.610
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(30)	142	(30)	142
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0		0	0

Ngày 31 Tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Lê Thị Minh Thu

Hoàng Quế Lan

Hà Xuân Trường



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 1 năm 2017

**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

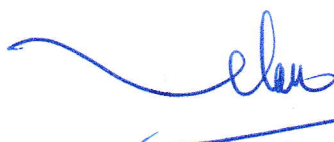
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>(401.257.953)</b>	<b>2.780.973.397</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao TSCĐ	02	190.411.455	272.936.900
- Các khoản dự phòng	03	-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	<b>1.169.839.449</b>	<b>(5.087.838)</b>
- Chi phí lãi vay	06	31.850.000	55.389.155
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>990.842.951</b>	<b>3.104.211.614</b>
- Tăng giảm các khoản phải thu	09	179.785.466.331	(69.835.404.351)
- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(263.105.727)	(3.326.940.482)
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.669.979.176)	24.493.748.780
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	29.351.913	139.427.817
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(31.850.000)	(55.389.155)
- Thuế TNDN đã nộp	15	-	
- Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>162.840.726.292</b>	<b>(45.480.345.777)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(196.718.382)	
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(160.000.000.000)	(7.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	414.309.355	5.087.838
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(159.782.409.027)</b>	<b>(7.494.912.162)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã	32	-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	-	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(591.772.877)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(591.772.877)</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>2.466.544.388</b>	<b>(52.975.257.939)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>3.355.923.120</b>	<b>58.804.766.138</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.822.467.508</b>	<b>5.829.508.199</b>

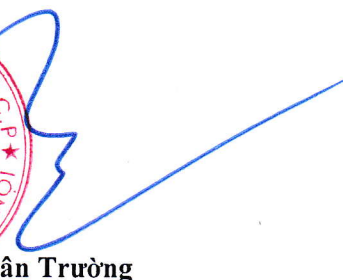
Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Thị Minh Thu

Hoàng Quế Lan

Hà Xuân Trường



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I Năm 2017

### I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Doanh nghiệp Việt Nam là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104782792 ngày 03/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hà Nội cấp, và theo các giấy phép điều chỉnh sau:

Giấy phép điều chỉnh	Ngày
Lần 1: Bổ sung ngành nghề kinh doanh	26/07/2011
Lần 2: Bổ sung ngành nghề kinh doanh	09/08/2012
Lần 3: Bổ sung ngành nghề kinh doanh	05/10/2012
Lần 4: Tăng vốn và bổ sung ngành nghề kinh doanh	07/04/2014
Lần 5: Địa chỉ trụ sở chính	29/05/2015
Lần 6: Bổ sung vốn điều lệ	03/11/2015
Lần 7: Tăng vốn	31/05/2016

'- Hoạt động chính của Công ty là: Xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình dân dụng; phá dỡ; chuẩn bị mặt bằng; buôn bán vật liệu, thiết bị trong ngành xây dựng; khai thác quặng sắt; khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; khai thác quặng kim loại quý hiếm; buôn bán ô tô xe cơ giới, máy móc thiết bị; buôn bán quặng kim loại; hàng nông sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Tư vấn đầu tư môi giới bất động sản; trồng rừng và chăm sóc rừng; môi giới đầu tư; nghiên cứu thị trường thăm dò dự luận...

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 5 tòa nhà Ngôi Sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Vốn điều lệ của Công ty là 235.399.580.000 VND, tương đương 23.539.958 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND

### II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

#### 1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/03 trong năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### II. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

##### *Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do nhà nước đã ban hành. Các BCTC được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### III. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

---

- Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt tại quỹ; tiền gửi ngân hàng; các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Các khoản phải thu

*Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.*

Nợ phải thu khác:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập dựa trên mức tổn thất dự kiến không thu hồi được.

Số tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

### 3. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

- Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản hữu hình được ghi nhận là tài sản cố định hữu hình nếu thỏa mãn đồng thời các tiêu chuẩn sau:

(i) Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó; (ii) Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên; (iii) Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 VND trở lên.

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

#### - Nguyên giá

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản cố định hữu hình nhận về, hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem trao đổi, sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một tài sản cố định hữu hình tương tự, hoặc có thể hình thành do được bán để đổi lấy quyền sở hữu một tài sản tương tự được tính bằng giá trị còn lại của tài sản cố định đem trao đổi.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

---

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được tài trợ, được biếu tặng, được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý ban đầu hoặc giá trị danh nghĩa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

### - Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định hiện hành.

'- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
'- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm

## 5. Các khoản đầu tư tài chính

### - Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### - Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### - Đầu tư vào liên doanh

Phần vốn góp của Công ty trong cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các đơn vị liên doanh sau ngày Công ty tham gia liên doanh được hạch toán vào mục thu nhập của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Phần vốn góp của Công ty trong các hoạt động kinh doanh được đồng kiểm soát được ghi nhận trong báo cáo tài chính bằng cách hạch toán:

(i) Tài sản do Công ty kiểm soát và các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu; (ii) Chi phí phải gánh chịu và doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.

Phần vốn góp của Công ty trong các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức liên doanh tài sản được đồng kiểm soát được ghi nhận trong các báo cáo tài chính bằng cách hạch toán: (i) Phần vốn góp vào tài sản được đồng kiểm soát, được phân loại theo tính chất của tài sản; (ii) Các khoản nợ phải trả phát sinh riêng của Công ty; (iii) Phần nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác;

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

---

(iv) Các khoản thu nhập từ việc bán hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ liên doanh cùng với phần chi phí phát sinh được phân chia từ hoạt động của liên doanh; (v) Các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc góp vốn liên doanh.

### **- Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác**

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

### **- Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, Công ty trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ, trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư.

## **6. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty.

## **7. Chi phí trả trước**

'Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

## **8. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## **9. Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: (i) Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; (ii) Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và (iii) Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

## **10. Vốn chủ sở hữu**

### **- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.**

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

---

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của Công ty sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

### **11. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

#### **- Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### **- Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

#### **- Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

### **12. Thuế**

#### **- Thuế thu nhập hiện hành**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

'Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### - Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại hiện hành với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại hiện hành trên cơ sở thuận.

### - Thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

## IV. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2017	01/01/2017
Tiền mặt	5,789,765,783	831,939,029
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32,701,725	8,109,137
Các khoản tương đương tiền	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5,822,467,508</b>	<b>840,048,166</b>

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Hà Thái	20,000,000,000	-	-	-
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	70,000,000,000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>90,000,000,000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

<b>2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>31/03/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Công ty Cổ Phần Đầu tư PSP Việt Nam	2,704,414,043	2,704,414,043
Công ty CP Đầu tư XNK Quốc tế Thiên Trường	9,845,000,000	3,245,000,000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Thanh Thủy		18,392,912,124
Công ty TNHH MTV Vận tải Tùng Sơn	7,677,268,781	
Công ty TNHH Hóa Chất Ngọc Việt	7,185,353,598	
Công ty Cổ phần Gang thép Công nghiệp Việt Nam	19,565,356,253	
Phải thu khác	7,224,861,440	
<b>Cộng</b>	<b>54,202,254,115</b>	<b>24,342,326,167</b>

<b>3. Trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>31/03/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Ông Trần Đức Hòa	42,000,000,000	42,000,000,000
Trả trước cho người bán khác	38,369,233,410	54,000,000
<b>Cộng</b>	<b>80,369,233,410</b>	<b>42,054,000,000</b>

<b>4. Hàng tồn kho</b>	<b>31/03/2017</b>		<b>01/01/2017</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng hóa	24,108,329,548	-	19,242,727,273	-
<b>Cộng</b>	<b>24,108,329,548</b>	<b>-</b>	<b>19,242,727,273</b>	<b>-</b>

<b>5. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>31/03/2017</b>	<b>01/01/2017</b>
Phải thu ngắn hạn khác	18,625,966,182	173,000,000,000

<b>6. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải</b>	<b>Thiết bị văn phòng</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư đầu kỳ	4,265,830,698	1,329,585,455	-	5,595,416,153
Số tăng trong năm				-
Số giảm trong năm		1,329,585,455		1,329,585,455
- Thanh lý, nhượng bán		1,329,585,455		1,329,585,455

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

- Giảm khác			-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4,265,830,698</b>	-	-	<b>4,265,830,698</b>

**GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**

Số dư đầu kỳ	423,021,718	346,246,200		769,267,918
Khấu hao trong kỳ	184,603,455	5,808,000		190,411,455
Số giảm trong năm		352,054,200		352,054,200
- Giảm khác				-
Thanh lý, nhượng bán		352,054,200		352,054,200
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>607,625,173</b>	-	-	<b>607,625,173</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày đầu kỳ	3,842,808,980	983,339,255		4,826,148,235
Tại ngày cuối kỳ	3,658,205,525	-	-	3,658,205,525

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		
Chi phí thuê nhà		
Các khoản khác	39,362,563	68,714,476
<b>Cộng</b>	<b>39,362,563</b>	<b>68,714,476</b>

**8. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Thành	2,386,809,750	2,386,809,750	2,386,809,750	2,386,809,750
Công ty CP Gang thép Công nghiệp Việt Nam	8,167,000,000	8,167,000,000	21,167,000,000	21,167,000,000
Công ty CP Đầu tư XNK QT Thiên Trường	5,631,163,316	5,631,163,316		
Công ty CP Dịch vụ Smartcom	8,691,441,000	8,691,441,000		
Công ty TNHH TM và Dịch vụ QT Việt Nam	11,866,437,849	11,866,437,849		
Công ty TNHH Gang Thép Thái Bình	5,593,665,000	5,593,665,000		
Phải trả người bán-công ty con	8,418,009,885	8,418,009,885		
Phải trả người bán khác	7,692,929,068	7,692,929,068	97,795,500	97,795,500
<b>Cộng</b>	<b>58,447,455,868</b>	<b>58,447,455,868</b>	<b>23,651,605,250</b>	<b>23,651,605,250</b>

**9. Người mua trả tiền trước**

31/03/2017      01/01/2017



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
 Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Người mua trả tiền	668,863,252	-
<b>Cộng</b>	<b>668,863,252</b>	<b>-</b>

<b>10. Thuế và các khoản phải nộp</b>	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
Thuế giá trị gia tăng						-
Thuế thu nhập doanh nghiệp		4,484,392	203,008,867			207,493,259
Thuế TNCN						-
Các loại thuế khác						-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác						-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>4,484,392</b>	<b>203,008,867</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>207,493,259</b>

**11. Phải trả người bán ngắn hạn khác.**

	31/03/2017	01/01/2017
Phải trả người bán ngắn hạn khác.	45,868,377	18,696,000

**12. Vay và nợ ngắn hạn.**

	31/03/2017	01/01/2017
Vay và nợ ngắn hạn.	2,050,000,000	-

**13. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<b>NĂM TRƯỚC</b>				
<b>Số đầu năm trước</b>	109,999,990,000	(149,090,909)	1,641,659,175	111,492,558,266
Tăng vốn trong năm trước từ chia cơ cấu bảng cơ nhiên	109,999,990,000			109,999,990,000
Lãi trong năm trước	15,399,600,000	-		15,399,600,000
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>235,399,580,000</b>	<b>(149,090,909)</b>	<b>1,641,659,175</b>	<b>236,892,148,266</b>
<b>NĂM NAY</b>				
<b>Số dư tại ngày 01/01/2017</b>	235,399,580,000	(149,090,909)	1,641,659,175	236,892,148,266
Tăng trong năm				-
Giảm khác				-
Giảm trong năm			701,424,134	701,424,134

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

Số dư tại ngày 31/03/2017	235,399,580,000	(149,090,909)	940,235,041	236,190,724,132
-	-	-	-	-

**V - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	19,506,021,046	45,123,109,180
Doanh thu cung cấp dịch vụ		
<b>Cộng</b>	<b>19,506,021,046</b>	<b>45,123,109,180</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	18,254,107,283	41,255,858,596
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp		
<b>Cộng</b>	<b>18,254,107,283</b>	<b>41,255,858,596</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	68,341	5,087,838
Cổ tức được nhận từ Công ty Con		-
<b>Cộng</b>	<b>68,341</b>	<b>5,087,838</b>

**4. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1,325,676,984	829,807,066

**5. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	-	205,182,000

**6. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí khác	977,531,255	-

**VI - THÔNG TIN KHÁC****1. Các khoản công nợ tiềm tàng**

Không có khoản công nợ tiềm tàng nào cần trình bày trên Báo cáo tài chính



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

---

### 2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần trình bày trên Báo cáo tài chính

### 3. Báo cáo bộ phận

Công ty không thực hiện trình bày Báo cáo bộ phận

### 4. Công cụ tài chính

Ngày 06/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210"), có hiệu lực đối với các Báo cáo tài chính từ năm 2011 trở đi. Tuy nhiên Thông tư 210 không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực kế toán quốc tế và Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế. Các khoản mục tài sản và nợ của công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán Việt Nam

#### 4.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục, vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông/chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông/chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

#### 4.2. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro tài chính do thiếu thị trường mua bán các công cụ tài chính này.

##### 4.2.1 Quản lý rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro liên quan đến lỗ phát sinh từ biến động của tỷ giá trao đổi ngoại tệ. Biến động tỷ giá trao đổi giữa VND và các ngoại tệ mà Công ty có sử dụng có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Công ty hạn chế rủi ro này bằng cách giảm thiểu trạng thái ngoại tệ ròng.

##### 4.2.2 Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

##### 4.2.3 Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu và các phân tích dự báo thị trường.

##### 4.2.4 Quản lý rủi ro tín dụng

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng 5 tòa nhà Ngôi sao Thăng Long, số 36 Hoàng Cầu,  
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội

---

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

### 4.2.5 Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa nợ phải trả đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì mức dự phòng tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản vay, nguồn vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp.

Người lập biểu



**Lê Thị Minh Thu**

Kế toán trưởng



**Hoàng Quế Lan**

Ngày 31 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc



**Hà Xuân Trường**



